

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế công tác dân vận
của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI;
- Căn cứ Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong thời kỳ mới,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 174-QĐ/TU, ngày 18/3/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Dân vận Trung ương,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Đức Quận

QUY CHẾ
Công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo Quyết định số 456-QĐ/TU, ngày 19/10/2021
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của đất nước, là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Công tác dân vận là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo trực tiếp công tác dân vận; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thực hiện hiệu quả công tác dân vận; nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu đối với công tác dân vận; thường xuyên học tập, quán triệt tư tưởng, đạo đức và thực hiện phong cách dân vận trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quy chế này quy định trách nhiệm, cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác dân vận gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, phân công lãnh đạo, cán bộ trực tiếp phụ trách công tác dân vận.

Chương II
TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

Mục I
TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG,
CẤP ỦY VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 4. Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận trong hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Lãnh đạo, cụ thể hoá chủ trương, chính sách lớn về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Lãnh

đạo việc thực hiện cơ chế giám sát đối với hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Lãnh đạo về tổ chức, nhân sự; quyết định giới thiệu cán bộ, đảng viên có năng lực phụ trách công tác dân vận, làm lãnh đạo chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

3. Định kỳ sáu tháng, một năm và trong trường hợp cần thiết, làm việc với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức liên quan cấp tỉnh về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

4. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận.

Điều 5. Ban Dân vận Tỉnh ủy

1. Chủ trì nghiên cứu, tham mưu Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương, chính sách và giải pháp về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo.

2. Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hoá các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3. Thẩm định đề án liên quan đến công tác dân vận của các cơ quan, tổ chức trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy. Tham gia thẩm định đề án thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác dân vận.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về công tác dân vận. Tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy làm công tác dân vận.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cụ thể hoá, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận; theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (*tình hình dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp trong xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân*) để báo cáo và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Là cơ quan thường trực của một số ban chỉ đạo theo sự phân công của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

6. Định kỳ hằng quý, sáu tháng, hằng năm và trong trường hợp cần thiết tổ chức giao ban, làm việc với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, ban dân vận các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy về công tác dân vận.

Điều 6. Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Tỉnh ủy

1. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương, chính sách và giải pháp về công tác dân vận; chuẩn bị dự thảo nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận thuộc lĩnh vực công tác dân vận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

2. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quy định.

2.1. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân, công tác dân vận của các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phối hợp chuẩn bị dự thảo các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và công tác cán bộ đối với hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2.3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận; nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thường xuyên tuyên truyền về công tác dân vận và tuyên truyền, cổ vũ các mô hình, điển hình dân vận khéo.

2.4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

2.5. Ban Nội chính Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và văn bản của Đảng về công tác tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Điều 7. Đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

3. Phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy để lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác dân vận.

Điều 8. Huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước liên quan đến công tác dân vận; kịp thời ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác dân vận, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác dân vận.

2. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, định hướng hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát đối với hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên ở địa phương, đơn vị và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo, phân công người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, tổ chức tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân, giải quyết các vấn đề phức tạp trên địa bàn.

4. Định kỳ giao ban, làm việc giữa thường trực cấp uỷ với ban dân vận, chính quyền, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo thẩm quyền. Phân công đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp làm Trưởng Ban Dân vận. Trường hợp không có Ban Dân vận thì chỉ đạo phân công một đồng chí cấp uỷ phụ trách công tác dân vận.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn triển khai thực hiện công tác dân vận.

Mục II TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận thành nghị quyết, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh để các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện.

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; giám sát các cơ quan, tổ chức giải quyết kiến nghị cử tri và nhân dân; hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc

hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

3. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật; trong thực hiện giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của tỉnh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

4. Thực hiện tốt hoạt động giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân và việc tổ chức, thực hiện chính sách, pháp luật đối với những vấn đề nhân dân quan tâm.

Điều 10. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận thành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân.

2. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác dân vận chính quyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước về công tác dân vận. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong các cơ quan nhà nước.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

4. Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả “*Quy chế dân chủ cơ sở*”; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và đối thoại giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định pháp luật.

5. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; thanh tra, kiểm tra, xử lý tham nhũng, tiêu cực, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ.

6. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong tham mưu thực hiện công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp; giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

7. Định kỳ có chương trình phối hợp, làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; phối hợp chỉ đạo các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân.

8. Phân công đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách công tác dân vận và làm Trưởng ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tỉnh.

Điều 11. Các sở, ban, ngành

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với công tác dân vận.
2. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.
3. Thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hành dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.
4. Thực hiện hiệu quả quy định về dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, đơn vị. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu. Thanh tra, kiểm tra, xử lý tiêu cực, tham nhũng, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những vấn đề bức xúc của nhân dân theo thẩm quyền.
5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận. Phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở tại cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Các cơ quan tư pháp

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân.
2. Cải cách tư pháp, bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng pháp luật, không oan sai, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; thực hiện tốt đối thoại, hoà giải tại toà án.
3. Cải cách thủ tục hành chính tư pháp; tăng cường công khai, minh bạch, sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng; bồi thường cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động tố tụng và thi hành án theo quy định pháp luật.
4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận. Phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở tại cơ quan, đơn vị.

Điều 13. Lực lượng vũ trang

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân

dân; tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; xây dựng và củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, thể trận lòng dân. Thường xuyên tiến hành công tác dân vận, tham gia phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội.

3. Tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị ở cơ sở. Phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

Điều 14. Chính quyền các cấp

1. Cụ thể hoá chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước và văn bản chỉ đạo của các cấp ủy địa phương về công tác dân vận và xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác phù hợp để thực hiện. Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp đối với những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hiện cải cách hành chính; công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”, nhất là trong các lĩnh vực: Đầu tư, ngân sách, quy hoạch, quản lý đất đai; giải phóng mặt bằng thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội,... bảo đảm để nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện các quy định về dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và hoạt động của chính quyền các cấp.

4. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống nhân dân; xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong tham mưu, thực hiện công tác dân vận. Định kỳ có chương trình làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

6. Phân công đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

Mục III

TRÁCH NHIỆM CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Thực hiện vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu.

3. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân, những vấn đề bức xúc của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với cấp ủy đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh.

4. Phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; phát huy vai trò của cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân; làm nòng cốt triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, hoạt động tự quản, hòa giải trong cộng đồng dân cư.

5. Tham gia và vận động nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và phối hợp tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật. Tiếp công dân, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xá, cử bào chữa viên, hội thẩm nhân dân.

6. Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

7. Thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tuyên truyền, vận động các tổ chức và người Lâm Đồng ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ nhau, tôn trọng pháp luật nước sở tại; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; giữ quan hệ gắn bó với gia đình, quê hương, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 16. Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

1. Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác dân vận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình. Đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên trong tổ chức; làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ

quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; làm nòng cốt chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

2. Tham gia với cấp ủy, chính quyền trong xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; thực hiện phản biện xã hội theo quy định.

3. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; quy chế dân chủ ở cơ sở; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

4. Phối hợp hiệp thương thống nhất hành động với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và nhân dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5. Thường xuyên nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và tham mưu, đề xuất giải pháp giải quyết; thông tin cho đoàn viên, hội viên biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6. Tham gia thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ nhau, tôn trọng pháp luật nước sở tại; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; giữ quan hệ gắn bó với gia đình, quê hương, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương III

PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 17. Quán triệt, tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước bằng các hình thức thiết thực, sáng tạo; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy ý chí, quyết tâm và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 18. Thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Dân vận khéo".

Điều 19. Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân vận của hệ thống chính trị; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác dân vận trong tình hình mới. Phân

công cán bộ phụ trách, cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận có năng lực, đạo đức, uy tín, kinh nghiệm.

Điều 20. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu có trách nhiệm thực hiện tốt công tác dân vận theo quy định của Đảng và Nhà nước; gương mẫu thực thi công vụ, nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Điều 21. Cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy định, quy chế của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

Điều 22. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh phối hợp chặt chẽ, đồng bộ để nâng cao hiệu quả công tác dân vận thông qua các cơ chế phối hợp liên ngành, chương trình phối hợp, hội nghị giao ban định kỳ, chuyên đề.

Điều 23. Khi có tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo ứng phó kịp thời; thông tin nhanh đến Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Ban Dân vận chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức liên quan vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò nòng cốt chính trị tham gia lực lượng xung kích.

Điều 24. Chế độ làm việc, thông tin, báo cáo

1. Cấp ủy, tổ chức đảng định kỳ làm việc với Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan cùng cấp để nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; đánh giá kết quả, định hướng công tác dân vận đáp ứng tình hình thực tiễn.

2. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng, chín tháng và hằng năm: Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang địa phương báo cáo kết quả công tác dân vận với cấp ủy, đồng gửi Ban Dân vận cùng cấp; cấp ủy cấp dưới báo cáo tình hình nhân dân và công tác dân vận cho cấp ủy cấp trên, đồng gửi Ban Dân vận của cấp ủy cấp trên (*báo cáo tháng trước ngày 20 hàng tháng; báo cáo quý trước ngày 15 tháng cuối quý; báo cáo 06 tháng trước ngày 10/6; báo cáo 09 tháng trước ngày 15/9; báo cáo năm trước ngày 05/12*).

3. Các cơ quan trong hệ thống dân vận các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của ban dân vận cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4. Trường hợp đột xuất, cần thiết liên quan đến tình hình nhân dân, các cấp, ngành hữu quan trực tiếp báo cáo với thường trực cấp ủy; Ban Dân vận cấp ủy được tham dự để tổng hợp, theo dõi, tham mưu cho cấp ủy.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Điều 26. Căn cứ Quy chế này, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Điều 27. Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 28. Hằng năm, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm trong công tác dân vận.
